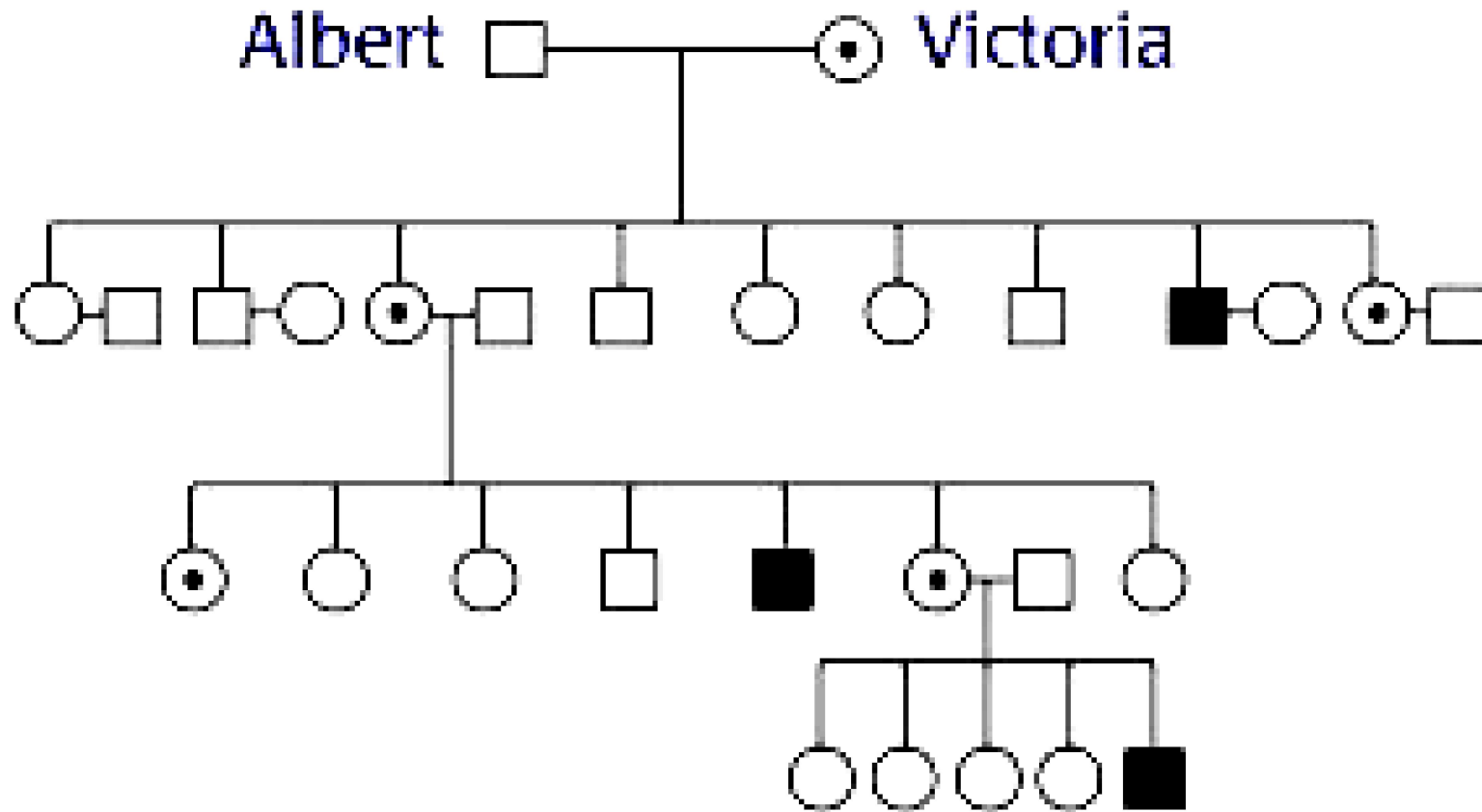


PHẦN I: DI TRUYỀN HỌC VÀ BIẾN DỊ
CHƯƠNG I: CÁC THÍ NGHIỆM CỦA MENDEL

TIẾT 1- BÀI 1

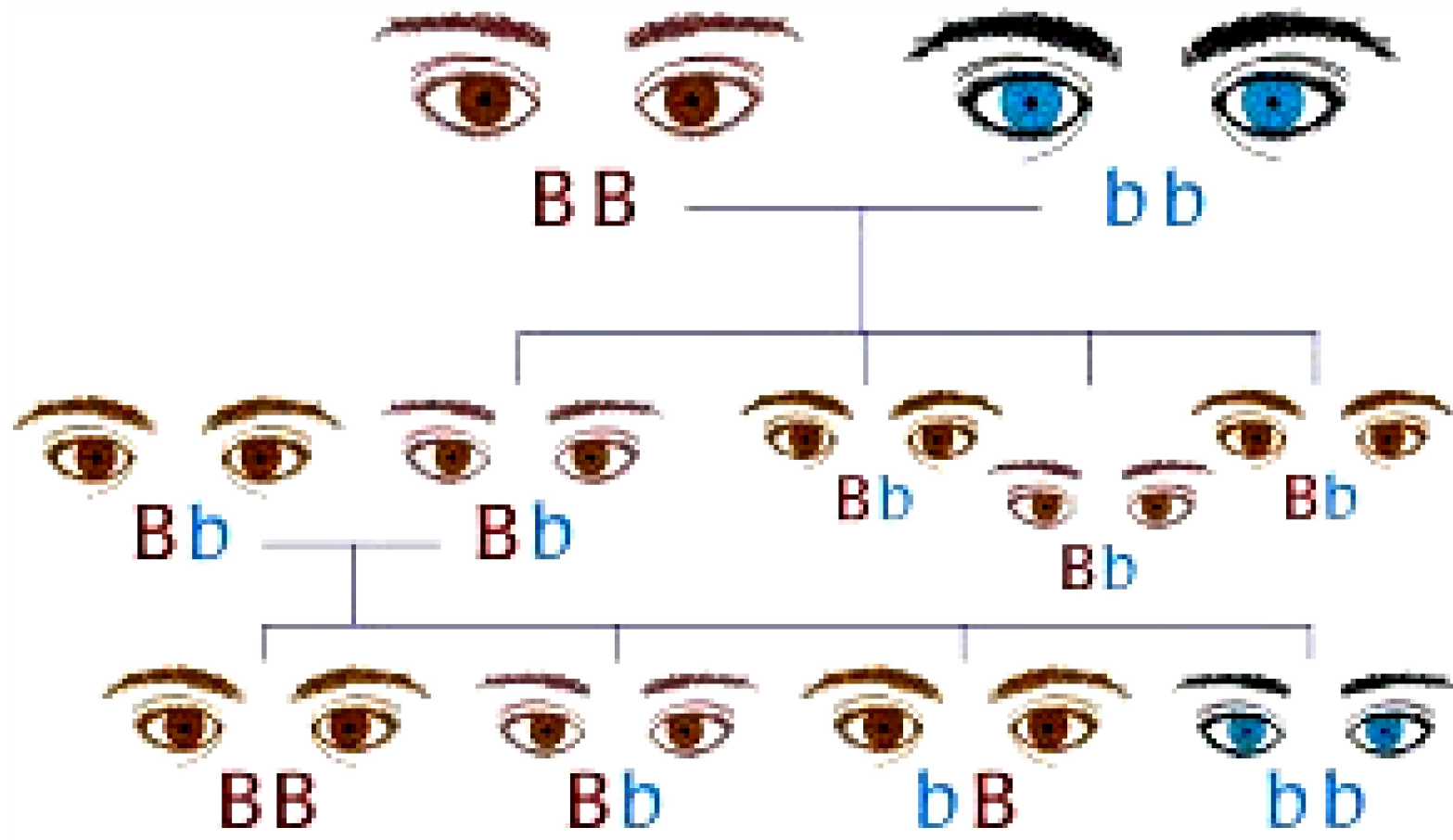
MENDEL VÀ DI TRUYỀN HỌC

I. Di truyền học



Sự di truyền bệnh máu khó đông.

I. Di truyền học



Sự di truyền màu mắt

I. Di truyền học

+ Di truyền là hiện tượng truyền đạt các tính trạng của bố mẹ, tổ tiên cho thế hệ con cháu.

- Thế nào là di truyền ?

I. Di truyền học

Vậy thì hiện tượng
như thế này gọi là
hiện tượng gì?

- Thế nào là biến dị ?



Người bạch tạng

I. Di truyền học

- + Di truyền là hiện tượng truyền đạt các tính trạng của bố mẹ, tổ tiên cho thế hệ con cháu.
- + Biến dị là hiện tượng con sinh ra khác bố mẹ và khác nhau về nhiều chi tiết.
- + Biến dị và di truyền là hai hiện tượng song song, gắn liền với sinh sản.

II. Menden - người đặt nền móng cho di truyền học

Nêu nhận xét giữa
Di truyền và biến dị?

I. Di truyền học

II. Menden - người đặt nền móng cho di truyền học



Tìm hiểu sơ lược về
Tiểu sử của Menden

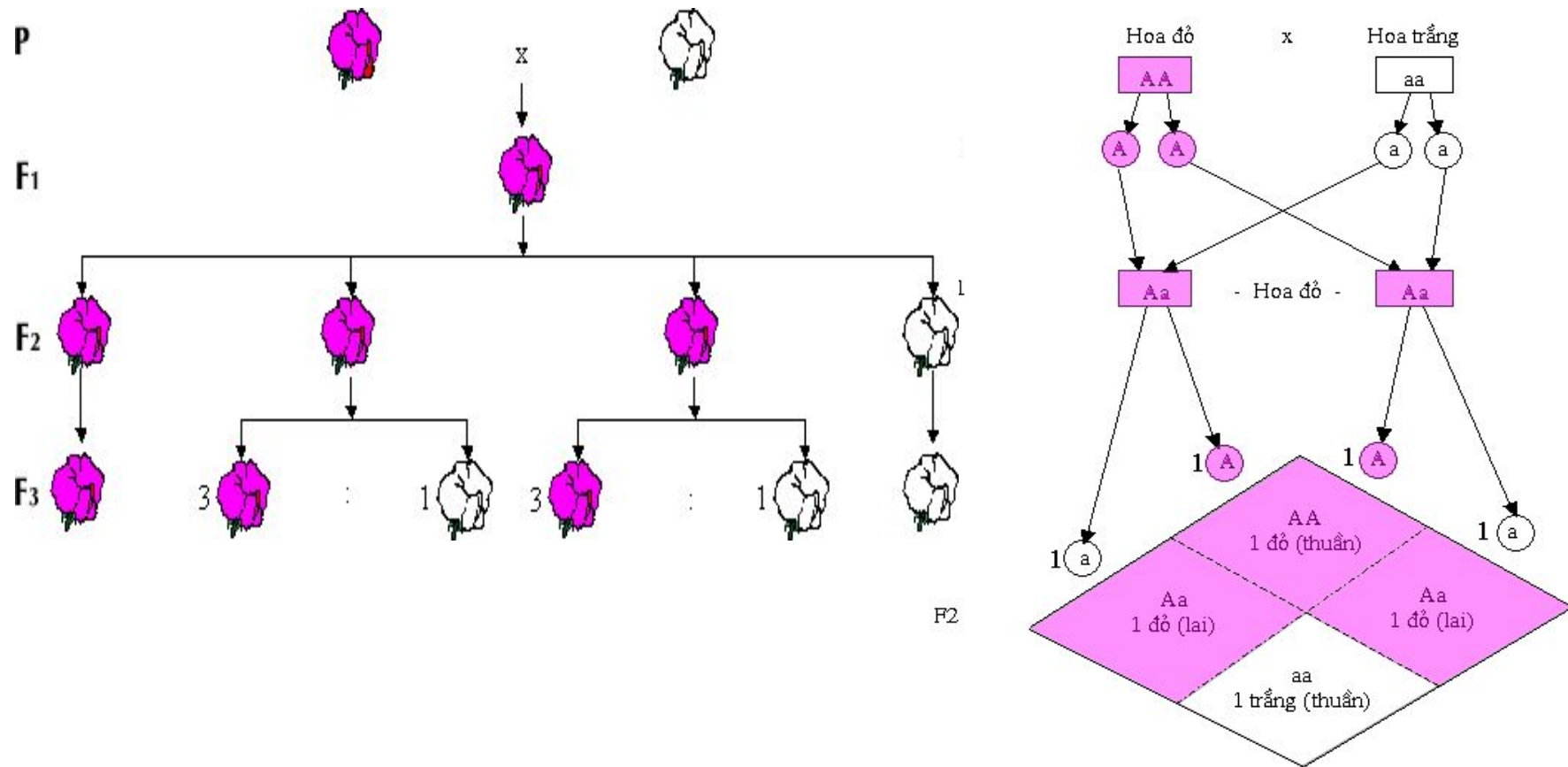
G.J. Menden (1822- 1884)

cha đẻ của ngành di truyền học

I. Di truyền học

II. Menden - người đặt nền móng cho di truyền học

Phương pháp nghiên cứu của Menden:

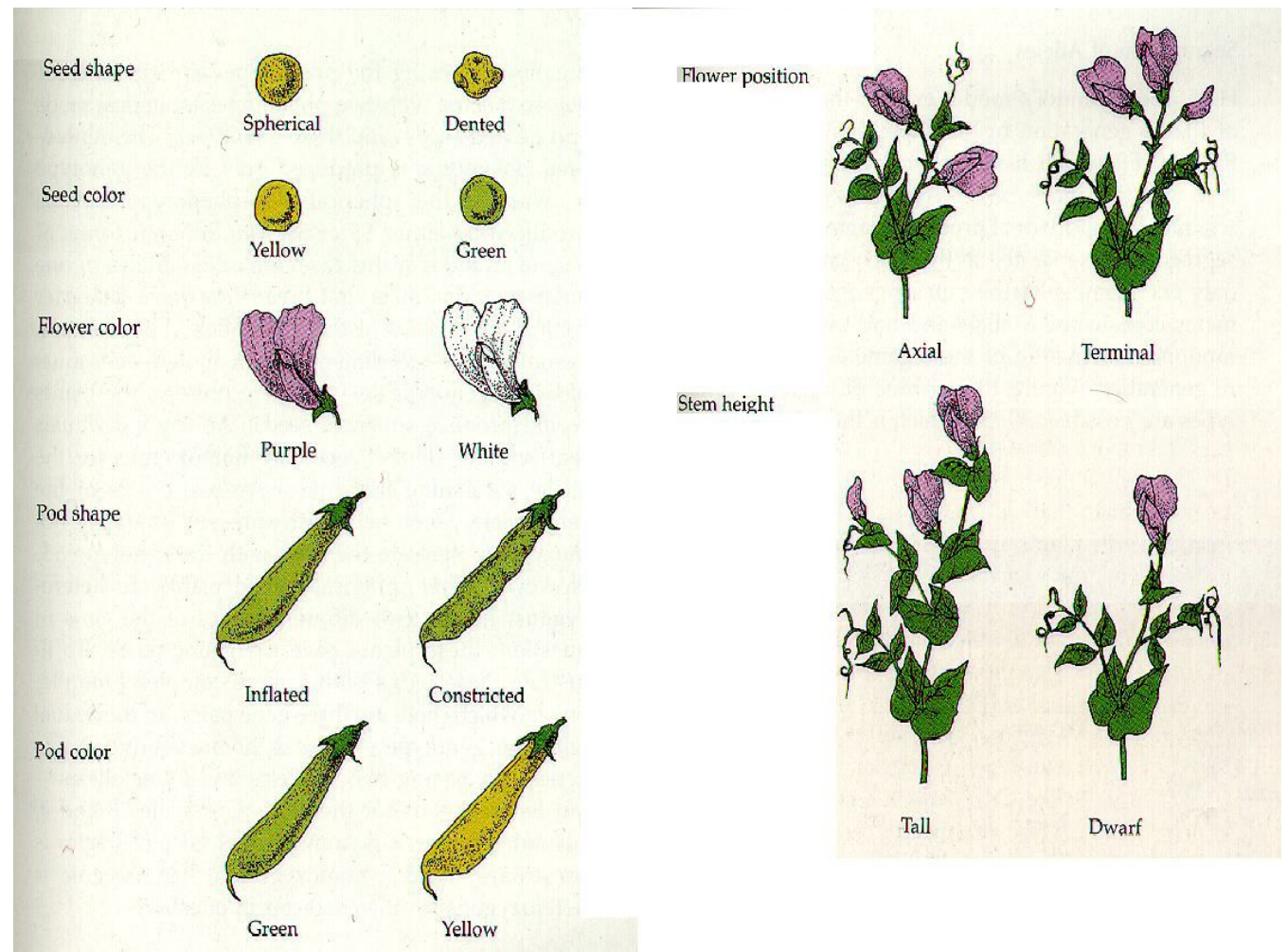


Hình I.2. Sơ đồ phân tích sự di truyền màu hoa ở đậu Hà Lan.

I. Di truyền học

II. Menden - người đặt nền móng cho di truyền học

Phương pháp nghiên cứu của Menden:



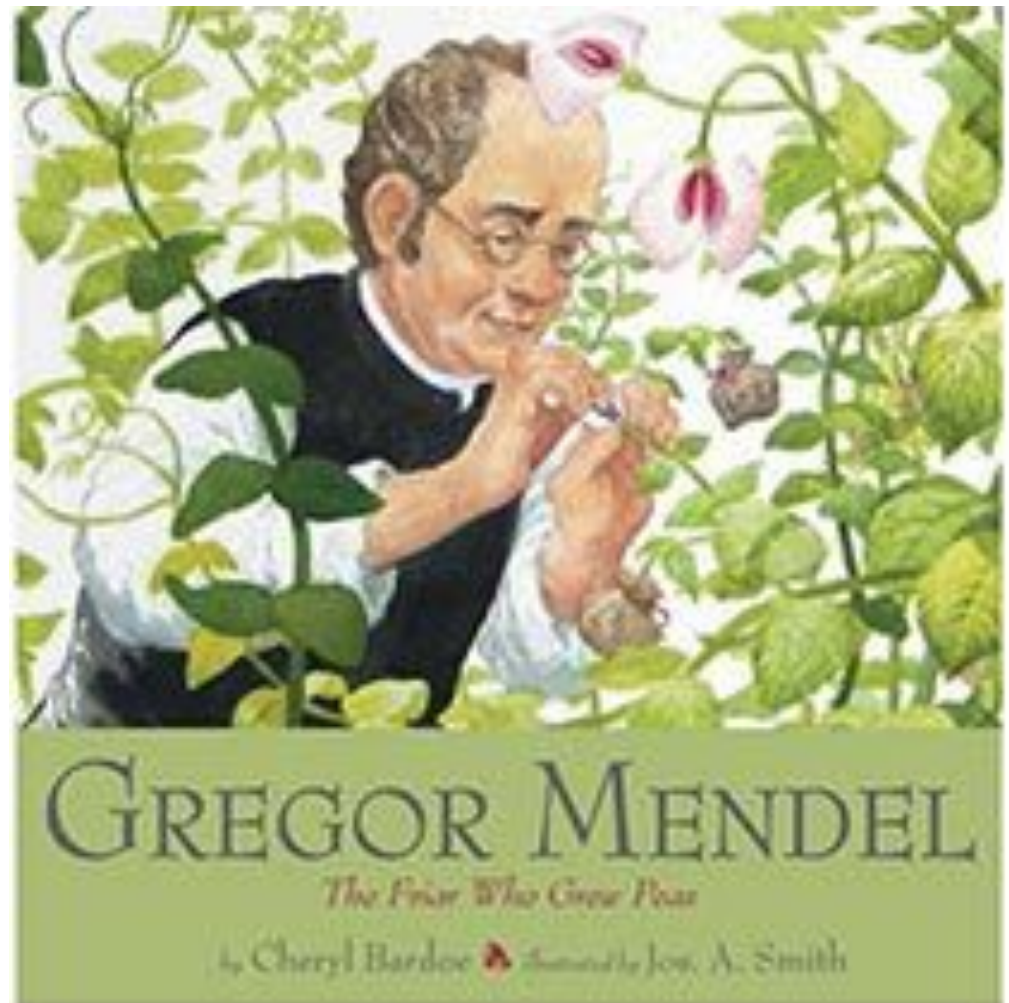
Tiết 1- Bài 1

MENDEN VÀ DI TRUYỀN HỌC

I. Di truyền học

II. Menden - người đặt nền móng cho di truyền học

Phương pháp nghiên cứu của Menden



I. Di truyền học

II. Menden - người đặt nền móng cho di truyền học

Phương pháp nghiên cứu của Menden.

- Lai các cặp bố mẹ thuần chủng, khác nhau một hoặc một số cặp tính trạng tương phản.
- Theo dõi sự di truyền riêng rẽ của từng cặp tính trạng.
- Sử dụng toán thống kê để phân tích kết quả lai.

III. Một số thuật ngữ và kí hiệu cơ bản của di truyền học

I. Di truyền học

II. Menden - người đặt nền móng cho di truyền học

III. Một số thuật ngữ và kí hiệu cơ bản của di truyền học

1. Khái niệm

- Tính trạng: là các đặc điểm về hình thái, cấu tạo, sinh lí của cơ thể.
- Cặp tính trạng tương phản: là hai tính trạng biểu hiện trái ngược nhau.
Ví dụ: Tính trạng cây cao và tính trạng cây thấp.
- Nhân tố di truyền = gen: qui định tính trạng và được di truyền từ bố mẹ.
- Giống, dòng thuần chủng: là các giống có đặc tính di truyền đồng nhất.

2. Kí hiệu:

P: Bố, mẹ

G: Giao tử

F: Thế hệ con, F1: thế hệ con thứ nhất

♀ : cái

♂ : Đực

I. Di truyền học

II. Menden - người đặt nền móng cho di truyền học

III. Một số thuật ngữ và kí hiệu cơ bản của di truyền học

1. Khái niệm

2. Kí hiệu:

Củng cố: